Ký bởi Trung tâm Thông tin
Văn phòng ủy ban nhân dân tỉnh, Tỉnh Sơn La
Giờ ký: 2026-03-31T15:54:22.1553880+07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 569 /QĐ-UBND	*Sơn La, ngày 25 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa và cổng dịch vụ công Quốc gia; Nghị định số 367/NĐCP ngày 31/12/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 1263/QĐ-BKHCN ngày 15/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc phạm vi chức năng quản lý;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 53/TTr-SKHCN ngày 23 tháng 02 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ, cụ thể như sau:

1. Công bố 15 danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ.

(Có Phụ lục I kèm theo)

2. Sửa đổi, bổ sung 03 danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng tại số thứ tự 45, 46, 47, mục III, phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ.

(Có Phụ lục II kèm theo)

3. Bãi bỏ 19 danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng tại số thứ tự 2, 3, 4, 5, 6, 7, 19, 20, 21, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 44, mục III, phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ.

(Có Phụ lục III kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Cục KSTTHC, Bộ Tư pháp (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TTPVHCC, Hương (02b)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Ngọc Hậu

Phụ lục I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 569 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Các thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 10 ngày làm việc. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: 07 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	- Nộp trực tuyến; - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15; - Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; - Luật Đo lường số 04/2011/QH13 ngày 11/11/2011; - Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và

						Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh 53 vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.
2	Thủ tục điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 07 ngày làm việc. - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ và hợp lệ: 05 ngày làm việc.	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	- Nộp trực tuyến; - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15; - Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; - Luật Đo lường số 04/2011/QH13 ngày 11/11/2011; - Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định,

						hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh 53 vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.
3	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường	03 ngày làm việc.	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	- Nộp trực tuyến; - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15; - Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; - Luật Đo lường số 04/2011/QH13 ngày 11/11/2011; - Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ

						sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh 53 vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.
4	Thủ tục chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 10 ngày làm việc.	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	- Nộp trực tuyến; - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15; - Luật Tổ chức chính quyền địa

		- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ và hợp lệ: 07 ngày làm việc				phương số 72/2025/QH15; - Luật Đo lường số 04/2011/QH13 ngày 11/11/2011; - Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh 53 vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo,

						chuẩn đo lường.
5	Thủ tục điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận, cấp thẻ, cấp lại thẻ kiểm định viên đo lường	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 07 ngày làm việc. - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ và hợp lệ: 05 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	- Nộp trực tuyến; - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15; - Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; - Luật Đo lường số 04/2011/QH13 ngày 11/11/2011; - Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh 53 vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ

						Khoa học và Công nghệ quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.
6	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường	03 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	- Nộp trực tuyến; - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15; - Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; - Luật Đo lường số 04/2011/QH13 ngày 11/11/2011; - Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân

						quyền, phân cấp trong lĩnh 53 vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.
7	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định: 03 ngày làm việc. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 07 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	- Nộp trực tuyến; - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15; - Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.
8	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng	- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định: 03 ngày làm	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	- Nộp trực tuyến; - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy

	sản phẩm, hàng hóa	việc. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 07 ngày làm việc.				chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15; - Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.
9	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	- Nộp trực tuyến; - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15; - Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.
10	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy	- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định: 03 ngày làm việc.	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	- Nộp trực tuyến; - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15; - Nghị định số 22/2026/NĐ-CP

	chuẩn kỹ thuật	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 07 ngày làm việc.				ngày 16/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.
11	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật	- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định: 03 ngày làm việc. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 07 ngày làm việc.	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	- Nộp trực tuyến; - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15; - Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.
12	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	- Nộp trực tuyến; - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15; - Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và

						biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.
13	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định: 03 ngày làm việc. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 07 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	- Nộp trực tuyến; - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15; - Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.
14	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định: 03 ngày làm việc. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 07 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	- Nộp trực tuyến; - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15; - Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

15	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	- Nộp trực tuyến; - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15; - Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

Phụ lục II

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 569 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Các thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường Mã số: 3.000450	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 05 ngày làm việc. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: 03 ngày làm việc.	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	- *Nộp trực tuyến;* - *Nộp trực tiếp;* - *Nộp qua dịch vụ bưu chính.*	Không	- Luật Đo lường số 04/2011/QH13; - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15; - Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; - Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường. - *Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung*

						một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường. Mã số: 3.000.463	- trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị (đối với trường hợp thu hẹp phạm vi hoặc giấy chứng nhận	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	- *Nộp trực tuyến;* - *Nộp trực tiếp;* - *Nộp qua dịch vụ bưu chính.*	Không	- Luật Đo lường số 04/2011/QH13; - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15; - Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; - Nghị định số 105/2016/NĐ-

		đăng ký được cấp dưới dạng bản giấy bị mất hoặc bị hư hỏng không thể tiếp tục sử dụng). - 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (đối với trường hợp tổ chức đã hoàn thành các biện pháp khắc phục, bổ sung lĩnh vực, mở rộng phạm vi, điều chỉnh thông tin trên giấy chứng nhận đăng ký đã được cấp (sau khi hợp nhất, sáp nhập, đổi tên, chia, tách, chuyển đổi hình thức,				CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường. *- Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.*

		thay đổi địa chỉ, địa điểm hoạt động). - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: 03 ngày làm việc.				
	Thủ tục chấm dứt hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký khi nhận được đề nghị chấm dứt của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm. Mã số: 3.000452	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã.	- *Nộp trực tuyến;* - *Nộp trực tiếp;* - *Nộp qua dịch vụ bưu chính.*	Không	- Luật Đo lường số 04/2011/QH13; - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15; - Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; - Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường. - *Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026*

						của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Phụ lục III

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 569 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên và mã thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Lĩnh vực
01	Thủ tục chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 Mã số TTHC: 3.000469	Thông tư số 54/2025/TTBKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
02	Thủ tục điều chỉnh quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 Mã số TTHC: 3.000470	Thông tư số 54/2025/TTBKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
03	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường Mã số TTHC: 3.000471	Thông tư số 54/2025/TTBKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
04	Thủ tục chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường. Mã số TTHC: 3.000488	Thông tư số 54/2025/TTBKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
05	Thủ tục điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận, cấp thẻ, cấp lại thẻ kiểm định viên đo lường. Mã số TTHC: 3.000472	Thông tư số 54/2025/TTBKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

TT	Tên và mã thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Lĩnh vực
06	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường. Mã số TTHC: 3.000473	Thông tư số 54/2025/TTBKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
07	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Mã số TTHC: 3.000453	Nghị định số 22/2026/NĐ-CP của Chính phủ	Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
08	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Mã số TTHC: 3.000451	Nghị định số 22/2026/NĐ-CP của Chính phủ	Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
09	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Mã số TTHC: 3.000454	Nghị định số 22/2026/NĐ-CP của Chính phủ	Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
10	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý. Mã số TTHC: 3.000461	Nghị định số 22/2026/NĐ-CP của Chính phủ	Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
11	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý. Mã số TTHC: 3.000462	Nghị định số 22/2026/NĐ-CP của Chính phủ	Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
12	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động	Nghị định số 22/2026/NĐ-CP của Chính phủ	Tiêu chuẩn Đo lường

TT	Tên và mã thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Lĩnh vực
	chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý. Mã số TTHC: 3.000464		Chất lượng
13	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Mã số TTHC: 3.000458	Nghị định số 22/2026/NĐ-CP của Chính phủ	Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
14	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Mã số TTHC: 3.000460	Nghị định số 22/2026/NĐ-CP của Chính phủ	Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
15	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Mã số TTHC: 3.000459	Nghị định số 22/2026/NĐ-CP của Chính phủ	Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
16	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng. Mã số TTHC: 3.000455	Nghị định số 22/2026/NĐ-CP của Chính phủ	Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
17	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng. Mã số TTHC: 3.000456	Nghị định số 22/2026/NĐ-CP của Chính phủ	Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
18	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động	Nghị định số 22/2026/NĐ-CP của Chính phủ	Tiêu chuẩn

TT	Tên và mã thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Lĩnh vực
	kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng. Mã số TTHC: 3.000457		Đo lường Chất lượng
19	Thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển xét tặng giải thưởng chất lượng quốc gia. Mã số TTHC: 2.001269	Thông tư số 03/2026/TTBKHCN ngày 12/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng